

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 281/TTr-TNMT ngày 17/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc, địa chỉ trụ sở chính tại lô CN-07, Cụm công nghiệp (CCN) Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án Nhà máy Hà Bắc” tại lô CN-07, CCN Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Dự án Nhà máy Hà Bắc.

1.2. Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-07, CCN Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400978855 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 28/11/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400978855.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm cấu kiện thép.

1.7. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Lô CN-07, CCN Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với diện tích 21.296 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất sản phẩm kết cấu thép, với công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án Nhà máy Hà Bắc” tại lô CN-07, CCN Thanh Vân, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 352/QĐ-TNMT ngày 15/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND xã Thanh Vân; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc; Công ty TNHH Long Dũng và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Bắc (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.^{Toàn}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa do Công ty TNHH Long Dũng (là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Thanh Vân) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường (theo Biên bản thoả thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án tại cụm công nghiệp số 11/TTĐT/LD-TTL ngày 02/4/2024 và Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn liền với cơ sở hạ tầng số 20/2023/HĐKT/LB-HB ngày 29/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc và Công ty TNHH Long Dũng); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt:**

+ Nước thải từ khu vệ sinh khu vực nhà xưởng sản xuất được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 5 m³ (mỗi xưởng có 01 bể tự hoại dung tích 5 m³) bằng đường ống PVC D90, sau đó dẫn theo đường cống BTCT D200 dài khoảng 262 m đầu nối vào bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm của dự án để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ khu vệ sinh khu vực nhà văn phòng được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 5 m³ (mỗi khu vực nhà văn phòng có 01 bể tự hoại dung tích 5 m³) bằng đường ống PVC D90, sau đó dẫn theo đường cống BTCT D200 dài khoảng 176 m, qua 07 hố ga có kích thước 0,6m x 0,6m về bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm của dự án để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải này sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm của dự án sẽ theo đường cống BTCT D200 chiều dài khoảng 40m, qua các hố ga có kích thước 0,6m x 0,6m, dẫn đến hố ga tập trung nước thải cuối cùng của dự án 1,6mx1,6m và dẫn ra hố ga đầu nối với hệ thống

thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ (bể tự hoại 3 ngăn) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Chế phẩm Emic (EM): 1,0 kg/lần/3 tháng;

+ Dinh dưỡng Metanol: 15,0 kg/tháng;

+ Hóa chất khử trùng (NaClO): 10,0 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Phải dừng hoạt động công trình xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của công trình xử lý và phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, khi đó Chủ dự án có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua công trình xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm từ 10/5/2025 đến 10/8/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể điều hòa	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (Tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Sunfua (S ²⁻), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 01 ngày. Thời gian cụ thể: Ngày 10/7/2025	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa
2	01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 03 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 10/7/2025 Lần 2: Ngày 11/7/2025 Lần 3: Ngày 12/7/2025	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung như: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa, Công ty TNHH Long Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 05 nguồn

- Nguồn số 01: tại vị trí trung tâm xưởng sản xuất số 1.
- Nguồn số 02: tại vị trí trung tâm xưởng sản xuất số 2.
- Nguồn số 03: từ máy nén khí số 1.
- Nguồn số 04: từ máy nén khí số 2.
- Nguồn số 05: từ máy nén khí số 3.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 05 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°)

- Vị trí 1: tại trung tâm xưởng sản xuất số 1. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X= 2368276; Y= 393886.
- Vị trí 2: tại trung tâm xưởng sản xuất số 2. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X= 2368279; Y= 393965.
- Vị trí 3: tại khu vực đặt máy nén khí số 1. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X= 2368276; Y= 393898.
- Vị trí 4: tại khu vực đặt máy nén khí số 2. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X= 2368304; Y= 393965.
- Vị trí 5: tại khu vực đặt máy nén khí số 3. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X= 2368244; Y= 393958.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	70	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Các máy móc, thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ), đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 21.680 kg/năm, trong đó:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Mạt kim loại, nhựa nhiễm thành phần nguy hại	07 03 11	Rắn	16.320
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ	18 02 01	Rắn	80
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	100
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	Rắn	100
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	260
7	Nước thải lẫn dầu từ các máy CNC	17 05 05	Lỏng	4.800
Tổng cộng				21.680

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 4.800 kg/năm, trong đó:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng bia cacton đựng nguyên vật liệu và sản phẩm	1.200
2	Chất thải hỗn hợp (găng tay, bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại, palet hỏng,...)	2.400
3	Chất thải văn phòng (giấy, vật liệu văn phòng)	360
4	Mạt kim loại không chứa thành phần nguy hại	840
Tổng cộng		4.800

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 50 kg/ngày, tương đương với 1.500 kg/tháng, với thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, giấy các loại, nilon, vỏ chai lọ, kim loại,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với các chất thải là mặt kim loại nhiễm thành phần nguy hại, găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, bông đèn huỳnh quang, dầu động cơ, nước thải lẫn dầu: Được lưu chứa tại các thùng chứa CTNH chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng, đặt trong kho chứa CTNH diện tích 40 m² của dự án.

- Đối với bao bì cứng thải bằng nhựa, bằng kim loại nhiễm TPNH (can đựng hoá chất) được xếp gọn trong kho chứa CTNH sau đó trả lại cho đơn vị cung ứng trong lần cung cấp tiếp theo.

- Đối với nước thải lẫn dầu được thu gom vào các thùng chứa 200 lít được đặt tại kho CTNH.

Chủ dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định, với tần suất dự kiến 06 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Kho chứa chất thải nguy hại: Diện tích 40 m² (8mx5m), cao khoảng 2,5 m, được bố trí ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Kho chứa tường xây gạch, nền đổ bê tông, mái bằng tôn, cửa khoá khép kín; treo biển cảnh báo nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải sản xuất tại các vị trí như sau:

- Đối với chất thải văn phòng: Giấy đã qua sử dụng sẽ được nhân viên thu gom, lưu chứa trong 01 thùng chứa, dung tích 100 lít, đặt tại kho chứa chất thải diện tích 12,25 m² và định kỳ 01 tháng/lần bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Đối với chất thải từ xưởng sản xuất:

+ Gang tay, bảo hộ lao động,... không dính thành phần nguy hại được thu gom vào các thùng chứa 100 lít, đặt tại kho chứa chất thải sản xuất diện tích 12,25 m², Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định, với tần suất khoảng 01 tháng/lần.

+ Các nguyên liệu là các sản phẩm cắt CNC bị lỗi hỏng được lưu chứa tạm thời vào kho chứa chất thải rắn sản xuất, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Mặt kim loại không chứa thành phần nguy hại thu gom vào 08 bao chứa 100 lít/bao đưa về kho chứa chất thải sản xuất diện tích 12,25 m² và định kỳ 01 tháng/lần bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

2.2.2. Kho chứa chất thải sản xuất:

- Kho chứa chất thải sản xuất: Diện tích 12,25 m² (4mx3,06m), cao khoảng 2,5 m, được bố trí ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Kết cấu tường xây gạch trát vữa BTXM, nền đổ bê tông, mái lợp tôn, có cửa khoá kín, có biển tên chất thải sản xuất.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải sinh hoạt: Bố trí 10 thùng bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 5-20 lít/thùng, đặt trong khu vực văn phòng, nhà vệ sinh, khu xưởng trước khi gom vào 02 thùng chứa dung tích 200 lít/thùng đặt tại khu vực kho chứa chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, với tần suất 01 ngày/lần.

- Đối với bùn thải của bể tự hoại: định kỳ thuê các đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý, với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

- Đối với bùn thải của hệ thống xử lý nước thải: định kỳ thuê các đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý, với tần suất khoảng 01 năm/lần.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải sinh hoạt: diện tích 12,25 m² (4mx3,06m), cao khoảng 2,5 m, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa tường xây gạch, nền đổ bê tông, mái bằng tôn, cửa khoá khép kín, có biển tên chất thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Hà Bắc có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Thực hiện các thủ tục pháp lý về tài nguyên khoáng sản và pháp luật có liên quan trong trường hợp sử dụng khối lượng đất đào tại dự án (khoảng 1.100 m³) để làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 281/TTr-TNMT ngày 17/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.